| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN XUÂN LỘC**<br>**TỈNH ĐỒNG NAI** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: **33**/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 30 – 3 - 2023
V/v *"Ly hôn"*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN LỘC, TỈNH ĐỒNG NAI**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Hồ Thị Sương
*Các Hội thẩm nhân dân*: 1. Ông Phạm Đức Anh
2. Ông Hồ Văn Tài

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Kim Hương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa*:** Bà Nguyễn Phương Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 774/2022/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 12 năm 2022 về việc *"Ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2023/QĐST-HNGĐ ngày 14/3/2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Đoàn Ngọc H**, sinh năm 1992. (Vắng mặt)
ĐKHKTT: Ấp S, xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau.
- *Bị đơn*: Ông **Đoàn Trọng K** – sinh năm 1975 (Vắng mặt)
Địa chỉ: Ấp T, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

* Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Đoàn Ngọc H trình bày: Bà và ông Đoàn Trọng K tự nguyện kết hôn vào năm 2020, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân xã Khánh An, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

Quá trình chung sống ông bà không có hạnh phúc, mà thường nảy sinh bất hòa, mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, tính tình không hòa hợp, vợ chồng không có tiếng nói chung, không có sự bàn bạc, thống nhất trong công việc chung; vợ chồng không tôn trọng và nhường nhịn nhau nên thường xảy ra cự cãi, giận dỗi. Gia đình hai bên và bản thân ông bà cũng đã từng nói chuyện với nhau để giải quyết mâu thuẫn nhưng không thành. Ông bà không còn chung sống với nhau từ tháng 12/2020 cho đến nay, mỗi người có cuộc sống riêng, không ai

quan tâm, chăm sóc đến ai. Nay bà không còn tình cảm gì với ông K nên yêu cầu được ly hôn.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không có, nên bà không yêu cầu giải quyết.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Đoàn Trọng K đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để tham gia giải quyết vụ án nhưng vẫn vắng mặt không có lý do; Ông K cũng không có văn bản trình bày ý kiến, không cung cấp lời khai và các tài liệu, chứng cứ cũng như yêu cầu phản tố đối với yêu cầu khởi kiện của bà Đoàn Ngọc H.

* Ý kiến của kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, còn bị đơn không chấp hành đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà Đoàn Ngọc H được ly hôn với ông Đoàn Trọng K. Về con chung, tài sản chung, nợ chung: không xem xét giải quyết.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Đoàn Ngọc H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, ông Đoàn Trọng K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt các đương sự tại phiên tòa là phù hợp.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Đoàn Ngọc H và ông Đoàn Trọng K tự nguyện kết hôn vào năm 2020, có đăng ký tại Ủy ban nhân xã Khánh An, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau, ông bà thực hiện việc đăng ký kết hôn theo quy định, nên hôn nhân của ông bà là hợp pháp.

Xét yêu cầu của nguyên đơn nhận thấy: Bà H cho rằng sau khi kết hôn, ông bà chung sống không có hạnh phúc, mà thường nảy sinh bất hòa, mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, tính tình không hòa hợp, vợ chồng không có sự bàn bạc, thống nhất trong công việc; không tôn trọng và nhường nhịn nhau dẫn đến thường xảy ra cự cãi, giận dỗi. Gia đình hai bên và bản thân ông bà đã từng nói chuyện với nhau để giải quyết mâu thuẫn nhưng không có kết quả. Ông bà không còn chung sống với nhau từ tháng 12/2020 cho đến nay, mỗi người có cuộc sống riêng, không ai quan tâm, chăm sóc đến ai. Nay bà không còn tình cảm gì với ông K nên yêu cầu được ly hôn. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhiều lần triệu tập ông K để làm việc, nhưng ông K đều vắng mặt không lý do, qua đó, cho thấy ông K bỏ mặc, thờ ơ trong quan hệ hôn nhân với bà H. Tại Biên bản lấy lời khai ngày 20/12/2022, bà Thái Thị Mai (mẹ của ông K) trình bày: Vợ chồng ông K, bà H có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do khác biệt về cách sống; hai bên gia đình đều biết và đã hòa giải để hàn gắn nhưng không có kết quả. Vợ chồng bà H,

ông K không còn chung sống với nhau từ tháng 02/2021 cho đến nay. Cả hai không có con chung, tài sản chung và nợ chung. Như vậy, yêu cầu ly hôn của bà H là có căn cứ.

Theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và Gia đình thì vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình; có nghĩa vụ sống chung với nhau. Như vậy, bà H và ông K đã không thực hiện quyền, nghĩa vụ của vợ chồng theo quy định, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H là phù hợp theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Bà H trình bày không có; ông K không có lời khai, không có văn bản yêu cầu giải quyết về con chung, tài sản chung và nợ chung nên không xem xét.

[4] Án phí: Bà H phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử và các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ nên chấp nhận.

*Vì các lẽ trên*,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35; Điều 39, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

*Tuyên xử:* Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Đoàn Ngọc H.

1. Chấp nhận cho bà Đoàn Ngọc H được ly hôn với ông Đoàn Trọng K.

Quan hệ hôn nhân chấm dứt và giấy chứng nhận kết hôn số 67/2020 ngày 22/6/2020 do Ủy ban nhân dân xã Khánh An, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau cấp cho bà Đoàn Ngọc H và ông Đoàn Trọng K không còn giá trị pháp lý, kể từ ngày bản án, quyết định ly hôn có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết.

3. Về án phí: Bà Đoàn Ngọc H phải nộp 300.000 đồng *(Ba trăm ngàn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu ly hôn. Số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng *(Ba trăm ngàn đồng)* theo biên lai thu số 0007072 ngày 02 tháng 12 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuân Lộc được chuyển thành án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án theo quy định.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Đồng Nai;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Xuân Lộc;
- Chi cục THADS huyện Xuân Lộc;
- UBND phường, xã, thị trấn;
- Các đương sự;
- Lưu án văn, hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hồ Thị Sương**